TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **103**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 9 - 2025
"V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mẫm

2. Ông Nguyễn Hoàng Hổ

- Thư ký phiên tòa: Bà Thị Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6, tỉnh An Giang: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2025, tại Tòa án nhân dân khu vực 6, tỉnh An Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 08/2025/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 7 năm 2025 về việc *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1989 (Có mặt).

2. Bị đơn: Chị Phạm Thị Kiều M, sinh năm 1989 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Minh H, xã U Minh T, tỉnh An G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 6 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày và yêu cầu như sau*:**

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Đ, chị Phạm Thị Kiều M *(Gọi tắt là anh Đ, chị M)* tự tìm hiểu và sau một thời gian tìm hiểu cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương vào năm 2008 và có đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân xã An Minh Bắc, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang (Nay thuộc xã U Minh T,

tỉnh An G) ngày 06/8/2009. Sau khi cưới vợ chồng anh Đ, chị M ở cùng với cha, mẹ ruột anh Đ, tại ấp Minh Hưng, xã An Minh Bắc, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Thời gian ở cùng với cha mẹ thì giữa chị M và mẹ anh Đ có xảy ra mâu thuẫn. Năm 2018 vợ chồng anh Đ, chị M cùng đi làm thuê ở tỉnh Bình Dương, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cự cãi về tiền bạc, dẫn đến nhiều lần chị M dùng lời chửi xúc phạm đến anh Đ. Vợ chồng chung sống không tôn trọng, tin tưởng nhau. Nhiều lần vợ chồng hàn gắn nhưng không thành nên tự ly thân từ năm 2023 đến nay, cả hai không quan tâm nhau. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên anh Đ yêu cầu được ly hôn với chị M.

Về con chung: Anh Đ, chị M có 01 người con chung Nguyễn Hoàng Long, sinh ngày 28/5/2009, giới tính nam, hiện con đang sống với anh Đ. Khi ly hôn anh Đ yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Anh Đ, chị M không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị M được Tòa án tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, thông báo cho chị M biết về việc anh Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con chung với chị M. Được cha, mẹ ruột chị M thông báo lại cho chị M biết nhưng chị không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn anh Đ giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị M, do vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống trong việc làm ăn kinh tế, kể từ khi ly thân năm 2023 đến nay cả hai không quan tâm đến nhau; hiện con chung Nguyễn Hoàng Long anh Đ đang nuôi dưỡng, cho đi học nên anh Đ yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con; chia tài sản chung, vợ chồng anh không có tài sản chung, nợ chung và cũng không ai nợ vợ chồng anh, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thì Thẩm phán đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) và Thư ký đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận cho anh Đ ly hôn với chị M; giao con chung Nguyễn Hoàng Long cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Chị M không phải cấp dưỡng nuôi con, do anh Đ không yêu cầu; chia tài sản chung anh Đ và chị M không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Anh Đ phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa HĐXX nhận định:

[1]. Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung của vợ chồng, bị đơn có nơi cư trú trên địa giới hành chính xã U Minh Thượng, tỉnh An Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân khu vực 6, tỉnh An Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị M được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt chị M.

[3]. Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Anh Đ, chị M xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương năm 2008 và có đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân xã An Minh Bắc, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang (Nay thuộc xã U Minh Thượng, tỉnh An Giang) ngày 06/8/2009. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của anh Đ và chị M là hợp pháp.

Lý do anh Đ yêu cầu ly hôn với chị M là sau khi cưới vợ chồng anh Đ, chị M chung sống ở cùng nhà cha mẹ ruột anh Đ thì giữa chị M và mẹ chồng thường xảy ra mâu thuẫn nhau, nên năm 2018 anh Đ, chị M đi làm thuê ở tỉnh Bình Dương. Thời gian chung sống vợ chồng anh Đ, chị M luôn bất đồng quan điểm sống, thường phát sinh mâu thuẫn, cự cãi về tiền bạc, dẫn đến chị M dùng lời xúc phạm phẩm tệ đến anh Đ. Nhiều lần gia đình tổ chức hòa giải, tạo điều kiện cho anh Đ, chị M hàn gắn nhưng không thành, nên sống ly thân từ năm 2023 đến nay, cả hai không quan tâm đến nhau.

Tại biên bản xác minh ngày 14/8/2025 bà Phan Thị Liền (mẹ ruột chị M) trình bày: Sau khi cưới vợ chồng anh Đ, chị M về chung sống với cha mẹ chồng, thuộc ấp Minh Hưng. Thời gian ở nhà chồng thì chị M có xảy ra mâu thuẫn với nhà chồng nên vợ chồng chị M, anh Đ về nhà bà Liền sống được hơn 04 tháng thì anh, chị đi làm thuê ở tỉnh Bình Dương. Bà Liền có thông báo cho chị M biết về việc anh Đ yêu cầu ly hôn, nuôi con nhưng chị M nói bận công việc không về được, Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, chị M không muốn tiếp tục chung sống với anh Đ; chị đồng ý giao con chung Nguyễn Hoàng Long cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa HĐXX đã động viên hàn gắn nhưng anh Đ kiên quyết ly hôn với chị M. Nhận thấy mâu thuẫn giữa anh Đ, chị M xuất phát từ vấn đề kinh tế, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến mâu thuẫn xảy ra cự cãi. Năm 2023 anh Đ về nhà cha, mẹ ruột lo cho con đi học thì giữa anh Đ và chị M ít quan tâm, chia sẽ nhau, làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Vợ chồng sống ly thân trong thời gian dài, gia đình và Tòa án đã tổ chức hòa giải, tạo điều kiện cho anh, chị hàn gắn nhưng anh, chị không có tiếng nói chung mà chọn sống ly thân đến nay. Khi chị M nhận được thông báo của Tòa án về việc anh Đ yêu cầu ly hôn thì chị M cũng không có động thái gì thể hiện muốn hàn gắn tình cảm với anh Đ.

Từ những nguyên nhân trên HĐXX nhận thấy mâu thuẫn giữa anh Đ, chị M đã kéo dài, mục đích hôn không đạt được, đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Do đó, HĐXX chấp nhận cho anh Đ ly hôn với chị M là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Anh Đ, chị M có 01 người con chung Nguyễn Hoàng Long, sinh ngày 28/5/2009. Tại bản tự khai cháu Long có nguyện vọng được sống với anh Đ khi cha mẹ ly hôn. Xét thấy hiện cháu Long đang sống với anh Đ, được anh chăm sóc, nuôi dưỡng, cho đi học cháu đã thích nghi với bạn bè và môi trường sống bên anh Đ và nhằm đảm bảo cuộc sống ổn định và quyền lợi về mọi mặt cho cháu được nuôi dưỡng và phát triển tốt nhất, Tòa án nhiều lần triệu tập chị M đến Tòa án để có ý kiến về việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con nhưng chị không đến Tòa án. Căn cứ các Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX thống nhất giao con chung Nguyễn Hoàng Long cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng, cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Long. Chị M không phải cấp dưỡng nuôi con, do anh Đ không yêu cầu.

Về chia tài sản chung: Anh Đ, chị M không có tài sản chung, nợ chung và cũng không ai nợ anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX miễn xét.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Đ phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6, tỉnh An Giang là có căn cứ, nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn Đ được ly hôn với chị Phạm Thị Kiều M.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Hoàng Long, sinh ngày 28/5/2009 (Hiện con đang sống với anh Đ) cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Chị M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị M có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung không ai có quyền ngăn cản nhưng không được lợi dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến người trực tiếp nuôi con.

3. Về chia tài sản chung: Anh Đ, chị M không có tài sản chung, nợ chung và cũng không ai nợ anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX miễn xét.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Đ đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016305 ngày 11/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 6;
- Phòng THADS Khu vực 6;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký, đóng dấu)

Danh Hoàng